

Số: /2023/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt phương án giá nước và ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 95/TTr-SNNPTNT ngày 28 tháng 4 năm 2023; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1741/STC-GCSĐT ngày 15 tháng 5 năm 2023.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt phương án giá và biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, như sau:**

1. Giá tiêu thụ nước sạch bình quân (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%): 8.744 đồng/m<sup>3</sup> theo Phương án số 01/PA-TTNSVSMTNTT ngày 20/3/2023 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt:

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định về giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt (bao gồm cả nước sạch cung cấp chung cho mục đích sinh hoạt và cho mục đích khác) tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân là khách hàng dùng nước cho mục đích sinh hoạt và cho mục đích khác tại khu vực nông thôn; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Đối tượng khách hàng ưu tiên: Các hộ dân cư dùng nước sinh hoạt ở tại các huyện, xã miền núi, đặc biệt khó khăn, bãi ngang được phê duyệt theo quy định hiện hành; Hộ nghèo và đối tượng chính sách (Mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, gia đình liệt sĩ đang hưởng tuất, thương binh loại 1 và loại 2).

d) Biểu giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt cho các nhóm khách hàng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5%):

Đơn vị tính giá nước tiêu thụ nước sạch: đồng/m<sup>3</sup>

Nhóm khách hàng	Ký hiệu	Nước sạch được xử lý từ nguồn nước thô là nước kênh, hồ, đập,...		Nước sạch được xử lý từ nguồn nước thô là nước ngầm, nước tự chảy	
		Đối tượng khách hàng ưu tiên	Các đối tượng khác	Đối tượng khách hàng ưu tiên	Các đối tượng khác
<b>Nhóm 1:</b> Hộ dân cư					
Mức dưới 10 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	SH1	4.900	7.000	4.000	6.100
Từ trên 10 - 20 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	SH2	6.100	8.700	5.200	7.800
Từ trên 20 - 30 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	SH3	6.700	9.600	5.800	8.700
Trên 30 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	SH4	7.300	10.400	6.400	9.500
<b>Nhóm 2:</b> Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận).	HCSN	10.400		9.500	
<b>Nhóm 3:</b> Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	SX	13.100		12.200	
<b>Nhóm 4:</b> Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	KD	17.400		16.500	

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Mức giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều 1 được tính tại đồng hồ nước của khách hàng sử dụng nước.
2. Thời gian áp dụng: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực.
3. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có trách nhiệm tổ chức thực hiện thu tiền cung cấp nước cho mục đích sử dụng sinh hoạt theo đơn giá đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.
4. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc thu tiền cung cấp nước tại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng 5 năm 2023 và thay thế Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành biểu giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường Trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Thường trực: HĐND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh Truyền hình (thông báo);
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- Công báo, Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, BTCĐ;
- Lưu: VT. PHT

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Huyền**